

Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc: Một số đánh giá bước đầu

PGS.TS. Phạm Thái Quốc*

*Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2010

Tóm tắt. Thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN từ đầu những năm 1990 đã có nhiều khởi sắc và đang gia tăng rất nhanh trong 10 năm trở lại đây. Điều này dường như phù hợp với mong muốn của cả hai bên trước những biến đổi nhanh chóng cũng như diễn biến mới của kinh tế thế giới - đặc biệt là cuộc Khủng hoảng toàn cầu vừa diễn ra, giúp Trung Quốc và ASEAN thực hiện mục tiêu đa dạng hóa các đối tác, giảm bớt sự phụ thuộc của cả hai bên vào các quan hệ kinh tế truyền thống với các trung tâm kinh tế thế giới là Tây Âu và Hoa Kỳ. Bài viết này phân tích quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN chủ yếu từ đầu những năm 2000 trở lại đây, đánh giá những kết quả và hạn chế, đồng thời đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam trong giải quyết một số tồn tại nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc tiến triển mạnh mẽ hơn, bền vững hơn trong những năm tới.

1. Tình hình quan hệ thương mại ASEAN - Trung Quốc

1.1. Các giai đoạn phát triển

Tương ứng với những thay đổi trong quan hệ chính trị, quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN trải qua ba giai đoạn trong phát triển.

Giai đoạn thứ nhất (từ 1967-1991): Trong giai đoạn này, quan hệ hai bên chưa phát triển do chưa tin tưởng vào nhau, còn nghi kỵ lẫn nhau.

Giai đoạn thứ 2 (từ 1992-2002): Cho đến năm 1992, Trung Quốc đã thành lập hoặc đã khôi phục quan hệ ngoại giao với tất cả các nước ASEAN, đặt nền móng cho một thời kỳ đối thoại và hợp tác giữa hai bên. Về chính trị, cả hai đều bắt đầu có hàng loạt cuộc đối thoại của các quan chức cấp cao. Hoạt động thương

mại và đầu tư đều có động lực thúc đẩy rất mạnh, đặc biệt từ nửa cuối những năm 1980, sau khi Trung Quốc thực hiện chiến lược mở cửa 3 ven: ven biển, ven sông và ven biên giới. Mỗi quan hệ buôn bán giữa cư dân Trung Quốc và ASEAN ở các vùng biên giới hai bên phát triển nhanh và sớm hơn, thậm chí còn đi trước cả những cải thiện chính trị của hai bên. Năm 1997, cả hai bên Trung Quốc và ASEAN đều ra thông cáo chung về xây dựng đối tác láng giềng thân thiện hướng tới thế kỷ XXI. Cho đến năm 2001, quan hệ Trung Quốc - ASEAN đã phát triển thành những đối tác đối thoại đầy đủ của nhau.

Giai đoạn thứ 3 (từ 2002 đến nay): Mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Trung Quốc và ASEAN. Năm 2002, cả hai đã ký kết một Hiệp định khung về Hợp tác toàn diện ASEAN - Trung Quốc, chuẩn bị cho việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) từ năm 2010. Năm 2003, Trung Quốc gia nhập Hiệp ước Hữu

*ĐT: 84-4-37547506
E-mail: pthquoc@yahoo.com.uk

ngiht và Hợp tác ở Đông Nam Á và trở thành nước ngoài ASEAN đầu tiên tham gia Hiệp ước. Năm 2004, tất cả các nước thành viên ASEAN đều thừa nhận Trung Quốc là một nền kinh tế thị trường đầy đủ và cùng ký Hiệp định Thương mại Hàng hóa trong Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện với Trung Quốc. Tháng 1/2004, Chương trình thu hoạch sớm (EHP) có hiệu lực. Năm 2007, cả hai bên đã ký hiệp định về thương mại dịch vụ. Từ đó đến nay, cả Trung Quốc và ASEAN đều duy trì, theo đuổi và cùng phát triển quan hệ đối tác kinh tế thân mật, chặt chẽ với nhau.

1.2. Tình hình quan hệ thương mại hai bên

Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, năm 1978, tổng thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN chỉ đạt 859 triệu USD. Tuy nhiên, thương mại Trung Quốc - ASEAN tăng rất mạnh trong thời kỳ từ năm 1990 đến nay. Mức buôn bán hai chiều từ rất thấp, chỉ đạt 7 tỷ USD năm 1990 và 7,96 tỷ USD năm 1991, đã tăng nhanh, đạt mức 54,7 tỷ USD năm 2002 và 100 tỷ USD năm 2004⁽¹⁾, 130,4 tỷ USD năm 2005 và 202,6 tỷ USD năm 2007, về đích trước 3 năm so với dự kiến (mức 200 tỷ USD theo kế hoạch đặt ra vào năm 2010). Năm 2008, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN đạt tới 231,12 tỷ US. Còn theo số liệu thống kê của ASEAN, con số này là 192,5 tỷ USD và năm 2009 - do tác động của Khủng hoảng toàn cầu, tổng thương mại hai chiều chỉ đạt 212,4 tỷ USD.

Mức tăng thương mại ASEAN - Trung Quốc trong giai đoạn 2004-2007 là 21,9%/năm - cao hơn mức tăng trưởng thương mại của Trung Quốc 18,8% trong cùng thời kỳ. Năm 2006, kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN - Trung Quốc đạt khoảng 140 tỷ USD, đưa

ASEAN trở thành đối tác thương mại lớn thứ 4 của Trung Quốc và Trung Quốc đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của ASEAN⁽²⁾. Phần buôn bán của Trung Quốc với ASEAN trong tổng thương mại của Trung Quốc tăng từ 6% năm 1990 lên 9,3% năm 2007 và 14% năm 2008. Trong khi phần của thương mại với Trung Quốc trong tổng thương mại của ASEAN tăng từ 2,4% năm 1990 lên 9,8% năm 2006, 11,3% năm 2008. Chính vì mức tăng nhanh nên hiện nay cả ASEAN và Trung Quốc đều là bạn hàng lớn của nhau. Năm 2008, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của ASEAN, chỉ sau Nhật Bản và Liên minh Châu Âu (EU).

Số liệu năm 2009 của Hải quan Trung Quốc cho thấy: EU, Mỹ và Nhật Bản là 3 đối tác hàng đầu trong quan hệ thương mại với Trung Quốc. Năm 2009, trong tổng thương mại của Trung Quốc với thế giới là 2,206 nghìn tỷ USD thì thương mại Trung Quốc - EU chiếm 16,5%; thương mại Trung Quốc - Mỹ chiếm 13,5%; thương mại Trung Quốc - Nhật Bản chiếm 10,3%. Riêng 3 đối tác này chiếm tới hơn 40% tổng thương mại của Trung Quốc với thế giới. Còn thương mại Trung Quốc - ASEAN đứng thứ 4, chỉ chiếm 9,6% tổng thương mại của Trung Quốc với thế giới. Tuy nhiên, thương mại Trung Quốc - ASEAN lại tăng rất mạnh kể từ năm 2003 (một năm sau khi có ACFTA), với mức tăng bình quân 24%/năm, điều này khiến tổng thương mại Trung Quốc - ASEAN tăng 3 lần, từ 78 tỷ USD năm 2003 lên mức đỉnh cao 231 tỷ USD năm 2008.

Trong giai đoạn 1997-2005, ASEAN là đối tác có mức tăng thương mại với Trung Quốc cao nhất trong số các đối tác thương mại của Trung Quốc. Từ năm 1997 đến năm 2005, thương mại ASEAN - Trung Quốc tăng bình quân 22,9%/năm - thuộc loại cao nhất trong thương mại của Trung Quốc với các đối tác cũng như mức tăng thương mại trung bình của Trung Quốc với thế giới (20,3%). Tuy nhiên,

⁽¹⁾ Asean-China Trade Relations: 15 Years of Development and Prospects, The Gioi Publishers, 2008 Recent Development of China-ASEAN Trade and Economic Relations: From Regional Perspective, By Zhao Jianglin, Institute of Asia-Pacific Studies, CASS, International Conference on ASEAN-China Trade Relations: 15 Years Development and Prospects, Hanoi, Dec. 6-8, 2007, <http://iaps.cass.cn/English/articles/showcontent.asp?id=1131>

⁽²⁾ Đây mạnh triển khai các hoạt động hợp tác giữa ASEAN và các nước Đối thoại, <http://vietbao.vn/Xa-hoi/ASEAN-Trung-Quoc-ky-Hiep-dinh-thuong-mai-dich-vu/45223746/157/>

bước sang giai đoạn 2006-2008, mức tăng thương mại Trung Quốc - ASEAN chỉ đạt 19,9% - thấp hơn so với mức tăng thương mại Trung Quốc - EU (23,2%), nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mức tăng thương mại của Trung Quốc với Mỹ (12,7%), Trung Quốc với Nhật Bản (13,4%), Trung Quốc với Đài Loan (9,4%), Trung Quốc với Hàn Quốc (17,7%). Năm 2009, do tác động của Khủng hoảng toàn cầu, thương mại của Trung Quốc với hầu hết các đối tác lớn đều giảm. Thương mại của Trung Quốc với thế giới giảm 13,8%, trong đó thương mại Trung Quốc - ASEAN giảm 8%, chỉ còn 212 tỷ USD. Trong điều kiện Khủng hoảng toàn cầu, sự suy giảm mức tăng thương mại Trung Quốc - ASEAN không mạnh so với thương mại của Trung Quốc với một số đối tác lớn khác như: thương mại Trung Quốc - Đài Loan (giảm 17,8%), thương mại Trung Quốc - Hàn Quốc (giảm 16,3%), thương mại Trung Quốc - EU (giảm 14,5%), thương mại Trung Quốc - Nhật Bản (giảm 14,6%).

Trước hết có thể thấy sự khác biệt về số liệu thống kê của Trung Quốc với số liệu thống kê của ASEAN về thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN. Theo số liệu của ASEAN (xem bảng ở các phần sau), kể từ 1993 đến nay, khu vực này hầu như thâm hụt thương mại với Trung Quốc. Nhưng theo số liệu Trung Quốc thì ngược lại, hầu như Trung Quốc thâm hụt thương mại với ASEAN trong nhiều năm qua.

Sự khác biệt này, theo chúng tôi có hai lý do. Một là do cách tính khác nhau. Số liệu do Trung Quốc đưa ra thường cao hơn so với số liệu của ASEAN. Thứ hai, trong số liệu do Trung Quốc đưa ra, hầu hết các năm ASEAN đều xuất siêu với Trung Quốc, liệu điều này xuất phát từ việc Trung Quốc muốn chứng tỏ rằng ASEAN có lợi trong quan hệ thương mại với Trung Quốc? Nếu vậy đây là yếu tố không khách quan. Chính vì vậy, trong những phân tích dưới đây, chúng tôi đều dựa vào số liệu của ASEAN.

Theo số liệu trình bày ở Bảng 1, ASEAN thường xuyên và liên tục thâm hụt thương mại với Trung Quốc. Thâm hụt mỗi năm trong giai

đoạn 1993-1998 hầu như không lớn. Trong năm 1999, ASEAN có được thặng dư thương mại với Trung Quốc hơn 7 tỷ USD. Điều này có thể lý giải là do sau Khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1999, đồng tiền của nhiều nước ASEAN mất giá, do vậy tạo thuận lợi cho ASEAN tăng xuất khẩu vào Trung Quốc. Đặc biệt, từ năm 2004, khi chương trình EHP bắt đầu có hiệu lực thì thâm hụt thương mại của ASEAN với Trung Quốc bắt đầu tăng mạnh, từ mức hơn 1 tỷ USD năm 2003 lên hơn 6 tỷ USD năm 2004 và đạt hơn 21 tỷ USD năm 2008.

1.3. Trung Quốc và ASEAN: Ai có lợi hơn trong ACFTA?

Thương mại tự do đem lại lợi ích cho cả hai bên, điều này đã được minh chứng từ lâu dựa trên cả lý luận và thực tiễn, tuy nhiên cũng không có nghĩa là lợi ích chia đều hai phần bằng nhau.

Trước đây có nhiều đánh giá cho rằng ASEAN sẽ được lợi từ ACFTA. Chẳng hạn Yusheng Cheng (2004: 269), cho rằng ACFTA sẽ giúp tăng xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN 10,6 tỷ USD/năm, trong khi mức nhập khẩu của Trung Quốc từ ASEAN tương ứng sẽ là 13 tỷ USD/năm. Hay Glosserman và Brailey Fritsch (2002) cho rằng ACFTA sẽ giúp ASEAN và Trung Quốc thêm vào mức tăng GDP hàng năm tương ứng là 1% và 0,3%. Còn theo Cai (2003: 401), về ngắn hạn, ACFTA có thể làm tăng cạnh tranh giữa Trung Quốc và ASEAN trong điều kiện cả hai cùng có lợi thế về những sản phẩm sử dụng lao động tập trung và củng cố nhiều ngành có giá trị gia tăng thấp. Nhưng về dài hạn, cạnh tranh sẽ giúp cả hai bên trong tái cơ cấu kinh tế nhằm đạt được hiệu quả cao hơn.

Trong một bài viết đăng trên *Asia Times* ngày 12/04/2010, tác giả Walden Bello cho rằng, nhìn thoáng qua thì dường như mỗi quan hệ Trung Quốc-ASEAN đem lại lợi ích cho cả đôi bên. Nhu cầu bên trong của kinh tế Trung Quốc đang đi lên ở một mức độ nhanh chóng được xem là một yếu tố quan trọng trong sự

tăng trưởng ở Đông Nam Á, bắt đầu vào năm 2003 - khi ASEAN lần đầu tiên xuất khẩu gần 30 tỷ USD sang Trung Quốc, sau một gian đoạn tăng trưởng chậm vì ảnh hưởng của Khủng hoảng tài chính châu Á. Trong bản phúc trình của Liên Hiệp Quốc khái quát về châu Á trong các năm 2003, 2004, viết: “Trung Quốc là một động cơ tăng trưởng quan trọng cho hầu hết các nền kinh tế trong vùng. Trung Quốc nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu với phần lớn các nước châu Á còn lại.” Đường như các nước ASEAN ra khỏi cơn cùng cực trong cuộc Khủng hoảng châu Á một phần là nhờ vào Trung Quốc.

Thực tế không hoàn toàn như vậy. Ngay từ năm 1994, sau khi Trung Quốc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ (NDT), ASEAN đã bị tác động mạnh bởi dòng vốn đầu tư nước ngoài bắt đầu chuyển từ khu vực này sang Trung Quốc. Về thương mại, tác động không mong muốn từ Trung Quốc được đánh giá là lớn hơn nhiều. Điều này được thấy rõ hơn ở những khía cạnh sau đây.

- Cả ASEAN và Trung Quốc đều đang tìm kiếm các lợi ích dài hạn mà không hề cân nhắc, xem xét đến các vấn đề có thể xuất hiện, nảy sinh từ ACFTA hay từ EHP. Trên thực tế, một số nước ASEAN nhận thấy, khác với tình hình những năm 2000 về trước, khả năng cạnh tranh của Trung Quốc ngày càng lớn mạnh hơn và cạnh tranh với ASEAN ngày càng gay gắt hơn. Chính Bộ trưởng Thương mại Singapore đã nhận định rằng các nền kinh tế Đông Bắc Á chiếm tới 80-90% tổng lực kinh tế châu Á - vì vậy Trung Quốc sớm muộn sẽ thống trị quá trình tiến triển của ACFTA.

- Đối với Việt Nam, trước khi có EHP, Trung Quốc là một trong những thị trường xuất

khẩu chính của trái cây Việt Nam, chiếm 50-60% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam.⁽³⁾ Tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu trái cây từ Trung Quốc những năm trở lại đây tăng nhanh, trong khi trái cây xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đang có dấu hiệu sụt giảm. Chỉ trong 7 tháng đầu năm 2009, nhập khẩu trái cây từ Trung Quốc lên tới 44 triệu USD, biến Trung Quốc trở thành nhà cung cấp trái cây nhập khẩu chính cho Việt Nam. Theo Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit) - ông Nguyễn Văn Kỳ, so với tình hình đầu những năm 2000, khi các thương nhân Trung Quốc còn ùn ùn sang Việt Nam mua trái cây thì hiện tượng trái cây Trung Quốc tràn vào Việt Nam là “nước chảy ngược,” bởi Việt Nam là quốc gia có tới nửa triệu héc ta trồng trái cây và sản lượng mỗi năm hàng triệu tấn. Cũng theo ông Kỳ: “Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu trái cây cứ ngỡ Chương trình Thu hoạch sớm có nhiều lợi thế cho Việt Nam nhưng giờ đây thì họ lại ngỡ ngàng thấy mình chẳng thu hoạch được gì, mà còn thất thu.” Điều làm các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây trong nước bức xúc ở chỗ việc cắt giảm thuế giữa hai nước mà Trung Quốc thực hiện nhanh và mạnh hơn cho nông sản Việt Nam, không có ý nghĩa nhiều bởi mãi tới đầu năm 2008, hai nước Trung - Việt mới ký Hiệp định kiểm dịch động thực vật, trong khi Trung Quốc đã ký hiệp định này với Thái Lan vào năm 2006. Nhờ đó trái cây Thái Lan dù không tiện đường vận chuyển hơn so với Việt Nam nhưng vẫn có khả năng cạnh tranh quyết liệt với trái cây Việt Nam trên thị trường Trung Quốc. Thực tế này cho thấy, hàng nông sản Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức khi tham gia ACFTA.

- EHP cũng tác động tiêu cực nhiều đến Thái Lan kể từ khi bắt đầu thực hiện EHP ngày 1/10/2003. Một nghiên cứu⁽⁴⁾ đã chỉ ra rằng nhập khẩu hàng Trung Quốc vào Thái tăng

⁽³⁾ Hồng Văn, Chương trình thu hoạch sớm... bị thất thu - 07/01/2010, <http://mobile.thesaigontimes.vn/ArticleDetail.aspx?id=28017>

⁽⁴⁾ Thai's FTA Watch 2005.

180%, kết quả là làm 30-50% hoa quả và rau của Thái Lan bị giảm giá, gây thiệt hại lớn cho các nhà sản xuất Thái Lan. Một nghiên cứu khác do Narintarakul và Silarak (2005: 83-84) thực hiện đã chứng minh EHP không tạo ra một sự đảm bảo cho các nhà sản xuất rau quả ASEAN rằng sản phẩm của họ sẽ được mua bán tự do ở Trung Quốc. Theo EHP, Thái Lan và Trung Quốc đồng ý bãi bỏ ngay mọi thuế quan cho trên 200 mặt hàng trái cây và rau. Thái Lan sẽ xuất khẩu trái cây nhiệt đới sang Trung Quốc, trong khi Trung Quốc xuất khẩu trái cây xứ lạnh (mùa đông) sang Thái Lan và hai bên đều cùng hưởng chế độ miễn thuế khi hàng bên này nhập vào thị trường bên kia. Tuy nhiên, hy vọng hai bên cùng hưởng lợi chung bị tan biến sau vài tháng. Có ý kiến cho rằng do các nhà trồng rau và trái cây oán hận, trách cứ thỏa thuận Thu hoạch sớm giữa Thái Lan và Trung Quốc, họ đã thất vọng và dôn nổi tức giận vào Chương trình tự do thương mại rộng lớn của Chính phủ Thaksin, điều này là một trong số nhiều căn nguyên đưa đến kết cục của cuộc đảo chính lật đổ chính phủ của ông Thaksin vào tháng 9 năm 2006⁽⁵⁾.

- Hàng Trung Quốc nhập lậu vào ASEAN với quy mô lớn đã và đang gây khó khăn cho hoạt động sản xuất ở nhiều nền kinh tế ASEAN, đặc biệt là các nước ASEAN lục địa. Ở Việt Nam, theo ước tính có khoảng 70-80% các cửa hàng giày dép bán hàng nhập lậu từ Trung Quốc, do vậy ngành sản xuất xuất giày dép ở Việt Nam bị thiệt hại rất nặng nề. Ở Philippines, theo một số thành viên của Hội Tự do Thương mại của nước này (Joseph Francia và Errol Ramos), ngành sản xuất xuất giày dép của Philippines cũng khốn đốn vì hàng nhập lậu đến từ Trung Quốc. Tình hình tương tự cũng xảy ra đối với một số mặt hàng khác như: sản phẩm hóa học từ dầu, nhựa, gạch lát nền, thép, giấy và xi măng không phải chỉ ở Việt Nam và Philippines mà còn ở nhiều nước ASEAN khác. Nhiều hàng nhập lậu với khối lượng lớn không

được đưa vào số liệu thống kê. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào số liệu chính thức thì tình hình vẫn tốt đẹp, đúng như mong muốn và tuyên bố của nhiều nguyên thủ đứng đầu Trung Quốc và ASEAN.

- Ở Indonesia, trong vài năm gần đây, dư luận phàn nàn về tình trạng mất việc làm đang gia tăng ở nước này do tác động của ACFTA. Một số nghiên cứu đã chỉ ra, có khoảng 1,8 đến 2,5 triệu việc làm bị mất ở Indonesia do các cam kết thương mại tự do với Trung Quốc. Các ngành bị mất việc làm chủ yếu là ngành da, quần áo, dệt và thép. Có thể có hàng trăm công ty nhỏ và sử dụng lao động tập trung đứng trước nguy cơ phải đóng cửa. Tuy nhiên, một quan chức của Hiệp hội tuyển dụng việc làm Indonesia lại đưa ra con số 7,5 triệu lao động nước này có nguy cơ mất việc làm, rất nhiều nhà máy có thể phải đóng cửa do không thể cạnh tranh nổi với hàng rẻ hơn từ Trung Quốc. Chính vì vậy, đến cuối năm 2009, Indonesia đã yêu cầu ASEAN tạm dừng hoặc lùi thời gian dỡ bỏ 228 hạng mục thuế đối với 8 ngành hàng trong các lĩnh vực mà nước này cho rằng có thể bị tổn thương lớn do hàng nhập khẩu Trung Quốc, như hàng dệt, hàng điện tử, đồ dùng gia đình, giày dép, mỹ phẩm và thảo dược...⁽⁶⁾. Trong một cuộc trao đổi gần đây với *Wall Street Journal*, phát ngôn viên Bộ Công nghiệp Indonesia cho biết, chính phủ Indonesia đã chính thức gửi kiến nghị xin phép ASEAN để cho nước này hoãn một năm thực hiện Hiệp ước Tự do Thương mại với Trung Quốc (tới tháng 1/2011).

Theo Yanuar Rizky - Chủ tịch Hiệp hội Công nhân Indonesia (Indonesia Workers Association), nước này khó cạnh tranh với hàng rẻ Trung Quốc do ở Indonesia chi phí cao gắn liền với tình trạng máy móc cũ kỹ, bộ máy hành chính quan liêu, cộng thêm các khoản vay dùng cho vốn lưu động chịu lãi suất cao. Theo ông Rizky: “ACFTA cho chúng tôi thấy rằng sức cạnh tranh của chúng tôi còn rất thấp so với các

⁽⁵⁾ Walden Bello, *Asia Times*, 12/04/2010; Walden Bello, *China lassoes its neighbors*, *China Business*, Mar 12, 2010

⁽⁶⁾ China Trade Deal to Cost Indonesia “Millions of Jobs”, <http://www.thejakartaglobe.com/business/china-trade-deal-to-cost-indonesia-millions-of-jobs/351950>

nước khác trong khu vực, và Chính phủ nước chúng tôi còn chưa hiểu rõ về sự phát triển của ngành chế tạo của Indonesia. Nguy cơ mất nhiều việc làm ở Indonesia là có thật trừ khi chính phủ quyết định đóng cánh cửa của

ACFTA lại do chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng.” Chính vì vậy, thương mại Trung Quốc - Indonesia sau khi đạt mức đáng kinh ngạc là 31,5 tỷ USD năm 2008 thì trong nửa đầu năm 2009 giảm 20%, chỉ đạt 11,7 tỷ USD.

Bảng 1: Thương mại ASEAN-Trung Quốc theo từng nước, 2004-2008 (triệu USD)

Tên nước	2004	2005	2006	2007	2008
<i>Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc</i>					
Brunei	243	234	174	201	-
Campuchia	12	15	13	11	13
Indonesia	4,605	6,662	8,344	8,897	11,637
Lào	1	4	1	35	15
Malaysia	8,634	9,465	11,391	15,443	18,422
Myanmar	75	119	133	475	499
Philippines	2,653	4,077	4,628	5,750	5,467
Singapore	15,321	19,770	26,472	28,925	29,082
Thái Lan	7,098	9,083	10,840	14,873	15,931
Việt Nam	2,711	2,828	3,015	3,336	4,491
Tổng xuất khẩu của ASEAN	41,352	52,258	65,010	77,945	85,558
<i>Nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc</i>					
Brunei	87	94	120	157	171
Campuchia	337	430	516	653	933
Indonesia	4,101	5,843	6,637	8,616	15,247
Lào	89	185	23	43	131
Malaysia	11,353	14,361	15,543	18,897	18,646
Myanmar	351	286	397	564	671
Philippines	2,659	2,973	3,647	4,001	4,250
Singapore	16,137	20,527	27,185	31,908	31,583
Thái Lan	8,183	11,116	13,578	16,184	19,936
Việt Nam	4,416	5,322	7,306	12,148	15,545
Tổng nhập khẩu của ASEAN	47,714	61,136	74,951	93,173	107,114

Nguồn: ASEAN Trade Statistics Database (July 2009).

Theo Walden Bello⁽⁷⁾, Trung Quốc có rất nhiều sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp siêu rẻ, từ sản phẩm của các vụ mùa miền ôn đới cho đến rau quả của miền bán nhiệt đới, cũng như nhiều nông sản phẩm đã qua chế biến. Trong khi ASEAN chỉ có một số nước như Việt Nam (gạo, cà phê), Thái Lan (gạo), Philippines (dừa và sản phẩm của dừa), Malaysia (dầu cọ, cao su, thiếc) có một số ít sản phẩm có ưu thế. Với bối cảnh trong nước thiếu nhiều nguyên vật liệu cho phát triển công nghiệp và xuất khẩu,

Trung Quốc - trong quan hệ với ASEAN, đã trở thành người thu mua lớn về các loại nguyên vật liệu, hàng nông nghiệp, máy công nghiệp và các linh kiện điện tử... từ ASEAN. Theo một số nhà phân tích, nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc có phần chậm lại, trong khi nhu cầu xuất khẩu tăng mạnh. Năm 2005, xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN tăng 50%, cao hơn mức tăng nhập khẩu từ ASEAN.

Thực tế những gì đã diễn ra ở Việt Nam, Thái Lan và Indonesia như đã mô tả ở trên đã tạo ra tâm lý lo sợ rằng ASEAN đã và sẽ trở thành thị trường tiêu thụ cho hàng hóa đến từ

⁽⁷⁾ China Business, Mar 12, 201.

Trung Quốc theo cả hai con đường hợp pháp và phi pháp. ASEAN không thể vì sợ phật ý với Trung Quốc mà cứ diềm nhiên trước những tổn hại lớn của nhiều công ty và địa phương ở các nước thành viên.

Điều được xem là thiện chí của Trung Quốc khi đưa ra những cam kết tự do hóa đơn phương trong EHP chưa hẳn đã là như vậy. Có ý kiến cho rằng Trung Quốc làm thế là để đối phó với chủ nghĩa hoài nghi ở Đông Nam Á về khả năng mở rộng của thị trường Trung Quốc ở ASEAN. Giới lãnh đạo Trung Quốc hiểu rõ rằng sớm hay muộn thị trường Đông Nam Á sẽ bị tràn ngập bởi hàng Trung Quốc, cho nên họ làm vậy để thực hiện mục tiêu chính trị dài hạn - nuôi dưỡng sự gắn gũi hơn trong hợp tác kinh tế với ASEAN. Đúng như nhận định của Hund (2003: 403), ACFTA sẽ là cơ hội tốt cho Trung Quốc, vì nó làm tăng sức cạnh tranh của hàng Trung Quốc ở ASEAN. Những điều kiện thuận lợi như: chi phí lao động và giá thành sản xuất thấp, dòng FDI vào Trung Quốc lớn... sẽ giúp Trung Quốc tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong xuất khẩu, tạo ra mức thặng dư thương mại với các thành viên ASEAN.

Nhìn lại một cách tổng quát, đối với Trung Quốc, những lợi ích đem lại trong ACFTA là quá rõ ràng, còn đối với các nước thành viên Đông Nam Á, những lợi ích đem lại còn chưa rõ ràng, những ảnh hưởng lớn về sản xuất, đặc biệt trong nông nghiệp cho thấy dường như ASEAN đang phải trả một giá đắt cho thỏa thuận của họ trong ACFTA.

Trong ASEAN, nước thành viên nào được lợi nhất từ ACFTA? Theo Rodolfo C. Severino, Tổng thư ký ASEAN giai đoạn 1988-2002, hiện nay là người đứng đầu Trung tâm Nghiên cứu

ASEAN thuộc Viện Nghiên cứu Đông Nam Á ở Singapore, thì Malaysia - hiện vẫn xuất khẩu dầu cọ, cao su và khí đốt sang Trung Quốc - là nước có thể được lợi nhiều nhất từ việc dỡ bỏ mức thuế quan. Trong khi một số nước như Việt Nam - vốn vẫn tập trung vào sản xuất nhiều sản phẩm tiêu dùng giá rẻ - là một trong số những nước bị tổn thương nhiều, do vậy cần tìm kiếm các mặt hàng xuất khẩu mới với ưu thế của mình⁽⁸⁾.

Xét về từng khía cạnh xuất/nhập khẩu: Trong giai đoạn 1997-2005, xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc tăng bình quân 20,2%/năm, thấp hơn so với mức tăng nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc (25,3%/năm). Như vậy có thể thấy từ sau khi ACFTA đi vào thực tế, dường như Trung Quốc là người có lợi vì xuất khẩu được nhiều hơn sang ASEAN. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2006-2008, mức tăng xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc (26,5%) lại cao hơn mức tăng nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc (14,3%).

Về cơ cấu thương mại: Hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN đa dạng hơn, trong đó đáng kể là máy móc, điện máy, tàu và thuyền, khoáng sản và nhiên liệu, dụng cụ y tế và quang học, ô tô, sắt thép, hàng dệt may, rau quả và giày dép. Một điều rất rõ ràng là xuất khẩu hàng máy móc và điện máy từ Trung Quốc sang ASEAN tăng đáng kể, từ mức 28% tổng xuất khẩu của Trung Quốc năm 1997 đã tăng lên 45% năm 2008 (năm 2009 chiếm gần 42% với 44,5 tỷ USD trong tổng số 106,3 tỷ USD). Chúng loại hàng nhập khẩu của Trung Quốc từ ASEAN kém đa dạng hơn, chủ yếu là nhập theo khối lượng lớn các loại: máy móc và hàng điện máy, khoáng sản và nhiên liệu, nhựa, chất béo và dầu, cao su và chất hóa hữu cơ. Trong những năm trước Khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998, những hàng xuất khẩu hàng đầu của ASEAN sang Trung Quốc là nhiên liệu và dầu, chất béo, máy móc và hàng điện máy.

⁽⁸⁾ Asia Free-Trade Zone Raises Hopes, and Some Fears About China, <http://www.nytimes.com/2010/01/01/business/global/01tra de.html> By LIZ GOOCH, December 31, 2009

Từ năm 2000 trở đi, ASEAN ngày càng nhập từ Trung Quốc nhiều máy móc và hàng điện máy hơn. Trong năm 2008, hơn 60% nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc là máy móc và hàng điện máy, tỷ lệ này cao gấp hơn 2 lần so với mức 26% của năm 1997⁽⁹⁾.

Trong giai đoạn 1997-2005, xuất khẩu hàng máy móc và hàng điện máy của Trung Quốc sang ASEAN tăng bình quân 25,3%. Tuy nhiên,

sang giai đoạn 2006-2008, mức này chỉ còn 22,2%. Trong khi nhập khẩu hàng máy móc và điện máy của Trung Quốc từ ASEAN tăng 39,5%/năm trong giai đoạn 1997-2005 và sang giai đoạn 2006-2008, mức này chỉ còn 9,9%. Năm 2009, Trung Quốc xuất khẩu sang ASEAN 44,5 tỷ USD máy móc và hàng điện máy, trong khi nhập khẩu từ ASEAN 56,4 tỷ USD hàng cùng loại.

Bảng 2: Hàng xuất khẩu chính của Trung Quốc sang ASEAN và hàng nhập khẩu chính của Trung Quốc từ ASEAN 2009

	Giá trị (tỷ USD)	Tăng giảm so năm trước (%)
Tổng thương mại, trong đó:	212,5	-8,0
Tổng xuất khẩu	106,3	-6,9
Hàng điện máy (HS 85)	23,2	-11,7
Hàng máy móc (HS 84)	21,2	-1,1
HS 84 + HS 85	44,5	-6,9
Tổng nhập khẩu	106,2	-9,2
Hàng điện máy (HS 85)	38,2	-16,2
Hàng máy móc (HS 84)	18,2	-7,9
HS 84 + HS 85	56,4	-13,7

Nguồn: China-ASEAN Free Trade Area (CAFTA) - Implications for Hong Kong's Merchandise Exports.

2. Kiến nghị về định hướng phát triển quan hệ thương mại Việt - Trung

Quan hệ kinh tế luôn chịu tác động mạnh mẽ của quan hệ chính trị. Hiện nay, quan hệ chính trị Trung Quốc với các nước Đông Nam Á và Việt Nam là tương đối tốt, song quan hệ cư dân đôi lúc vẫn còn bất đồng. Khi xảy ra những bất đồng với một bộ phận cư dân Trung Quốc, chúng ta cần tuyên truyền để các cấp lãnh đạo địa phương, đặc biệt là ở các tỉnh, địa phương có các vùng biển đảo tranh chấp chủ động giải quyết những bất đồng theo hướng đối thoại, bình tĩnh, kiềm chế, tránh va chạm, xung đột.

Trong quan hệ kinh tế thương mại Việt - Trung, có nhiều thuận lợi để thúc đẩy mối quan hệ này. Cơ sở hạ tầng ở Nam Trung Quốc cũng như ở Bắc Việt Nam phát triển cùng những tiến

tiến của việc triển khai hợp tác “Hai hành lang, một vành đai” giữa Việt Nam và Trung Quốc khiến cho hợp tác về thương mại, đầu tư giữa Trung Quốc và Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn. Các nhà đầu tư Trung Quốc sẽ đến Việt Nam đầu tư nhiều hơn. Các nhà đầu tư và kinh doanh quốc tế sẽ thông qua hành lang Hải Phòng - Hà Nội - Côn Minh tiến vào miền Tây Trung Quốc mạnh hơn. Với chức năng cầu nối ASEAN và Trung Quốc, chắc chắn quan hệ thương mại Việt Trung sẽ có thêm nhiều thuận lợi để phát triển.

Tuy nhiên, cũng có không ít nhân tố khó khăn trong phát triển quan hệ kinh tế hai nước.

... chúng ta cần tuyên truyền để các cấp lãnh đạo địa phương, đặc biệt là ở các tỉnh, địa phương có các vùng biển đảo tranh chấp chủ động giải quyết những bất đồng theo hướng đối thoại, bình tĩnh, kiềm chế, tránh

⁽⁹⁾ China-ASEAN Free Trade Area (CAFTA) - Implications for Hong Kong's Merchandise Exports, 8 March 2010).

Trung Quốc là một nước lớn, tăng trưởng nhanh nhưng chứa trong mình nhiều vấn đề tiềm ẩn, đem lại nguy cơ cho các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam, trên các phương diện chính trị, kinh tế và xã hội. Nền kinh tế lớn này lại ở sát Việt Nam, mỗi năm xuất khẩu hơn 1 nghìn tỷ USD, gây áp lực cạnh tranh đối với sản xuất trong nước, đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ở các thị trường thứ ba rất lớn hoặc một khi có những biến động thị trường bên trong, thị trường bên ngoài Trung Quốc, thậm chí biến động tỷ giá đồng NDT đều dễ dàng tác động gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường nước ta.

Hiện nay, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc đang tồn tại một số vấn đề: Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng chậm hơn so với mức tăng xuất khẩu của Trung Quốc vào Việt Nam. Điều này dẫn tới tình trạng gia tăng thâm hụt thương mại của Việt Nam. Trong cơ cấu hàng hóa trao đổi thương mại hai bên, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là tài nguyên, nguyên vật liệu, hàng sơ chế; trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là hàng chế tạo. Quan hệ trao đổi mang tính Bắc - Nam này khiến Việt Nam ở vào thế bất lợi. Khi khối lượng trao đổi gia tăng càng làm tăng thêm thâm hụt thương mại của Việt Nam. Thêm vào đó, tình trạng nhập lậu hàng Trung Quốc vào Việt Nam hầu như vẫn không kiểm soát được. Đồng NDT tăng giá tạo thuận lợi cho việc tăng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc nhưng cũng làm tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam vốn vẫn phải nhập khẩu các yếu tố đầu vào từ Trung Quốc. Có thể nhận thấy, từ khi có ACFTA đến nay, những lợi ích đem lại đối với Việt Nam từ quan hệ thương mại với Trung Quốc dường như đang bị tổn thương. Chênh lệch giữa lượng xuất khẩu của nước ta sang Trung Quốc và lượng nhập khẩu từ Trung Quốc sang nước ta ngày càng lớn. Để khắc phục những vấn đề này, xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

1. Việt Nam cần quan tâm hơn đến việc xây dựng một cơ cấu hàng xuất khẩu phù hợp với thị trường Trung Quốc, trước mắt cần thực hiện các nỗ lực nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo ra

các mặt hàng mới để tăng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này. Các doanh nghiệp Việt Nam cần thực hiện việc tiếp thị mạnh mẽ vào các đầu mối cung cấp, chế biến lớn, quan tâm đến hệ thống hoặc mạng lưới phân phối các sản phẩm nông sản, thủy hải sản của Trung Quốc. Cần chủ động thiết lập mạng lưới tiêu thụ hàng ổn định, lâu dài tại các thành phố lớn của Trung Quốc, cần tính tới việc thành lập nhiều hơn các cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm của Việt Nam tại các thành phố Trung Quốc, đặc biệt là Nam Ninh, Côn Minh, Quảng Châu, Quý Dương (Quý Châu), Thành Đô (Tứ Xuyên), Bắc Kinh và Thượng Hải.

2. Để giảm thâm hụt thương mại, về ngắn hạn cố gắng đưa hàng Việt Nam vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Hiện nay hàng Việt Nam xâm nhập thị trường Trung Quốc chủ yếu ở hai tỉnh biên giới là Quảng Tây và Vân Nam. Để tăng xuất khẩu vào Trung Quốc, chúng ta cần thực hiện nỗ lực xây dựng các kho bảo quản, các trạm trung chuyển ở hai tỉnh này để có thể đưa hàng Việt Nam xâm nhập sâu hơn vào các tỉnh trong nội địa như Tứ Xuyên, Quý Châu, Hồ Nam, Giang Tây, Quảng Đông... Cần tổ chức các hội thảo bàn về cách xâm nhập thị trường Trung Quốc. Kinh nghiệm thành công xâm nhập thị trường Trung Quốc của một số công ty bánh kẹo, dép Bitis... của Việt Nam rất đáng được nhân rộng để các công ty khác tham khảo. Không ít du khách Trung Quốc đến Việt Nam than phiền rằng họ đã dùng cà phê Việt Nam, biết chất lượng cà phê Việt Nam, tuy nhiên ở Bắc Kinh, Thượng Hải... và nhiều thành phố khác của Trung Quốc muốn mua cà phê Việt Nam thì không biết tìm ở đâu. Đây chỉ là một ví dụ gợi mở vấn đề, phải chăng công tác quảng cáo, tiếp thị nhiều mặt hàng của nước ta làm chưa tốt.

3. Song song với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng ở các khu vực biên giới bao gồm cả các trung tâm thương mại, chợ biên giới, đường tuần tra biên giới, chợ cửa khẩu... cần tăng cường lực lượng làm công tác chống buôn lậu. Bản thân lực lượng này cũng cần được đào tạo có phẩm chất tốt, thường xuyên được luân chuyển để làm tốt hơn nhiệm vụ của mình.

4. Về dài hạn, cần tăng đầu tư bên trong và thu hút đầu tư từ bên ngoài, kể cả đầu tư từ Trung Quốc để sản xuất nhiều sản phẩm sử dụng ưu thế địa phương về tài nguyên, lao động, khí hậu... có chất lượng cao, xuất khẩu sang Trung Quốc, từng bước thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu sang Trung Quốc. Đặc biệt, cần sử dụng thị trường Trung Quốc để đưa Việt Nam tham gia ngày càng mạnh vào mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Trong các dự án đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, cần tăng cường hợp tác 3 bên hoặc nhiều bên (trong đó có Trung Quốc, Việt Nam) để sản xuất hàng ở Việt Nam đưa đi tiêu thụ ở các thị trường Trung Quốc và nước ngoài.

5. Đối với ACFTA, Việt Nam cần đúc rút kinh nghiệm của các nước ASEAN 6, thận trọng đánh giá những tác động (có thể qua từng năm - từ nay đến năm 2015), kết hợp phân tích, đánh giá thực tiễn thương mại Việt Nam - Trung Quốc, chủ động đề xuất các biện pháp đối phó, điều chỉnh. Đề công tác đánh giá được đầy đủ, phản ánh đúng và chính xác diễn biến thương mại Việt Nam - Trung Quốc, nên thành lập một nhóm cán bộ, trong đó có thành viên của Ủy ban quốc gia về hội nhập quốc tế, kết hợp với Hải quan các cửa khẩu Lạng Sơn, cửa khẩu Lào Cai, đại diện Bộ Công thương cùng chuyên gia của Viện Khoa học Xã hội. Nhóm này định kỳ gặp nhau để bàn bạc trao đổi, thống nhất đưa ra các đề xuất, kiến nghị. Cuối mỗi năm đều có báo cáo tổng kết, đánh giá, nêu vấn đề và kiến nghị biện pháp giải quyết. Trong hợp tác quốc tế, cơ hội và thách thức luôn đan xen với nhau, nếu không tổng kết, đánh giá, chấn chỉnh kịp thời, cơ hội có thể bị bỏ lỡ, vấn đề thách thức không được giải quyết ngày càng nhiều hơn. Kết cục tất yếu là hiệu quả đem lại ngày càng thấp. Phần lợi sẽ bị đối tác đem đi, thua lỗ, thiệt thòi ở lại.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ảnh hưởng của tuyến Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (2007), Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2006, do Chủ nhiệm đề tài: ông Nguyễn Tiến Hiệp, Ban Dự báo, Viện Chiến lược và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện (2007).
- [2] Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng Khu kinh tế mới Lào Cai, Nhiệm vụ cấp Bộ đặc biệt, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, do TS. Nguyễn Xuân Thắng làm chủ nhiệm (2008).
- [3] Kỳ yếu hội thảo khoa học: Định hướng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong bối cảnh mới, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, KX.01/06-10, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại, 2007.
- [4] Kỳ yếu hội thảo: Phát triển Hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc trong khuôn khổ hợp tác ASEAN - Trung Quốc, Hải Phòng, 12/2006.
- [5] Hội thảo khoa học: Việt Nam - Trung Quốc tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển, hướng tới tương lai, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức tại Hà Nội, 1/2005.
- [6] Nghiên cứu phát triển thương mại khu vực hành lang kinh tế Hải Phòng - Lào Cai - Côn Minh trong bối cảnh hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, Đề tài NCKH cấp Bộ do TS. Nguyễn Văn Lịch làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại, 2004.
- [7] Nguyễn Minh Hằng (2001), *Buôn bán qua biên giới Việt - Trung*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Thương mại (2005), do ThS. Đỗ Kim Chi làm chủ nhiệm.
- [9] Hội thảo: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 60 năm xây dựng và phát triển, Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, 9/2009.
- [10] Hội thảo quốc tế: ASEAN - China trade relations: 15 years development and prospects, Ha Noi Dec 2007.

ASEAN - China free trade area: Several preliminary assessments

Prof.Dr. Pham Thai Quoc

*Faculty of International Economics, University of Economics and Business,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Trade relations between China and ASEAN from early 1990 to now had progressed and increased fast. This tendency seems going in accordance with the dramatic changes in the world economy - especially during the recent global economic crisis. It has helped both sides in obtaining the target of diversifying its economic partners, reducing their dependence on economic relations with EU and US. This article analyzed the trade relations between China and ASEAN mainly from early 2000 up to now, suggested assessments to find out both results and challenges then drew out some policy recommendations to promote the trade between Vietnam and China in coming years.